

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2021**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Chi cục quản lý đất đai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 như sau:

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2021	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện của năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	123	103,59	84,22	41,39
2	Phí	123	103,59	84,22	41,39
-	<i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i>	28	26,5	94,64	12,16
-	<i>Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ</i>	95	77,09	81,15	238,82
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (Bao gồm: 40% thực hiện CCTL; cắt giảm và tiết kiệm thêm phải nộp NSNN theo Nghị quyết số 58/NQ-CP đã được phân bổ tại Quyết định số 687/QĐ-STNMT ngày 20/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường	78,2	64,56	82,56	58,80
1	Chi quản lý hành chính	78,2	64,56	82,56	58,80
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46,48	38,74	83,34	58,80
-	<i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i>	6,72	6,36	94,64	12,16
-	<i>Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ</i>	39,76	32,38	81,43	238,82
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	31,72	25,83	81,42	58,80

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2021	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện của năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
-	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	16,80	15,90	94,64	12,16
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ	28,00	23,13	82,60	238,82
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.020,18	3.934,60	97,87	84,59
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.020,18	3.934,60	97,87	84,59
1	Chi quản lý hành chính	3.890,28	3.889,81	99,99	86,89
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.272,53	2.272,53	100,00	101,84
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.617,75	1.617,28	99,97	72,03
2	Chi sự nghiệp kinh tế	32,90	26,50	80,54	15,18
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32,90	26,50	80,54	15,18
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	32,82	32,82	100,00	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32,82	32,82	100,00	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Sử dụng nguồn CCTL và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	97	18,29	18,86	227
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46	18,29	39,76	227
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	51,00			

Bình Định, ngày 05 tháng 01 năm 2022

Người lập



Nguyễn Dương Anh Vũ

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Đinh Công Nghĩa